

CHUYÊN ĐỀ NGỮ PHÁP TIẾNG ANH NÂNG CAO

Cấu Trúc Tính Từ Ghép Từ Cụm Từ - Compound Adjectives (Mở Rộng & Luyện Thi)

CEFR Level: B1 - C2 | Compound Adjectives & Lexical Resource

"Gạch nối kết từ thêm sắc bén,
Văn phong chuẩn mực, sáng tương lai!"

1. Định Nghĩa & Công Thức Cơ Bản

Cấu trúc này cho phép biến đổi một cụm từ (thường có cấu trúc **Noun + to + Noun** hoặc các cụm trạng ngữ chỉ phương thức, thời gian, địa điểm) thành một **tính từ ghép (Compound Adjective)** để bổ nghĩa trực tiếp cho danh từ đứng sau. Cách dùng này giúp câu văn trở nên súc tích, chuyên nghiệp và mang đậm phong cách bản ngữ (Native-like).

- Cấu trúc gốc (Phrase structure):** **S + V + [Cụm trạng ngữ / giới từ]**
- Cấu trúc biến đổi (Compound form):** **S + V + [Tính từ ghép có dấu gạch nối] + Danh từ**
- Quy tắc vàng:** Các từ trong tính từ ghép phải được liên kết bằng dấu gạch nối (-) và các danh từ tạo nên tính từ ghép đó **luôn ở dạng số ít**, tuyệt đối không thêm 's'.

2. Hệ Thống Ví Dụ Minh Họa Mở Rộng (Từ Cơ Bản Đến Nâng Cao)

Dưới đây là hệ thống ví dụ phong phú kèm theo phân tích từ loại (Word Family), bản dịch tiếng Việt theo nguyên tắc "*Dịch là Diệt (To translate is the same to kill)*" và giải thích chi tiết giúp học sinh luyện thi vào lớp 10, THPT Quốc gia và các kỳ thi quốc tế:

Cụm từ gốc (Original Phrase)	Tính từ ghép & Word Family	Câu ví dụ gốc & Biến đổi	Bản dịch & Giải thích ngữ pháp
From house to house (Từng nhà)	House-to-house (adj) (Word Family: house, housing, household)	They conducted a search from house to house. → They conducted a house-to-house search.	Bản dịch: Họ tiến hành cuộc khám xét từng nhà. Giải thích: Cụm trạng ngữ chỉ phương thức chuyển thành tính từ ghép đứng trước danh từ "search".
From day to day (Hàng ngày)	Day-to-day (adj) (Word Family: day, daily, daytime)	My activity changes from day to day. → I have a lot of day-to-day activity.	Bản dịch: Tôi có rất nhiều hoạt động hàng ngày. Giải thích: Danh từ "day" giữ nguyên dạng số ít dù diễn tả sự lặp lại.
From door to door (Tận nhà)	Door-to-door (adj) (Word Family: door, doorway, indoors)	He is selling products from door to door. → He is a door-to-door salesman.	Bản dịch: Anh ấy là nhân viên bán hàng tận nhà. Giải thích: Miêu tả hình thức tiếp thị trực tiếp.
From place to place (Nay đây mai đó)	Place-to-place (adj) (Word Family: place, placement)	It was a journey from place to place. → It was a place-to-place journey.	Bản dịch: Đó là một hành trình di chuyển qua nhiều nơi. Giải thích: Nhấn mạnh tính dịch chuyển liên tục.
		We talked with each other face to face.	Bản dịch: Đó là một cuộc phỏng vấn trực tiếp.

Cụm từ gốc (Original Phrase)	Tính từ ghép & Word Family	Câu ví dụ gốc & Biến đổi	Bản dịch & Giải thích ngữ pháp
Face to face (Trực diện)	Face-to-face (adj) (Word Family: face, facial, facing)	→ It was a face-to-face interview.	<i>Giải thích:</i> Rất phổ biến trong văn phong công sở và phỏng vấn.
Step by step (Từng bước)	Step-by-step (adj) (Word Family: step, stepping)	She followed the guide step by step. → She gave a step-by-step instruction.	Bản dịch: Cô ấy đã đưa ra hướng dẫn từng bước một. <i>Giải thích:</i> Chỉ sự chi tiết, tuần tự rõ ràng.
Hand to hand (Giáp lá cà / Tay qua tay)	Hand-to-hand (adj) (Word Family: hand, handy, handle)	They fought hand to hand in the battle. → It was a fierce hand-to-hand combat.	Bản dịch: Đó là một trận cận chiến ác liệt. <i>Giải thích:</i> Thuật ngữ miêu tả giao tranh trực diện.
Side by side (Sánh vai / Kề vai)	Side-by-side (adj) (Word Family: side, sideways, beside)	The two cars stood side by side. → They formed a side-by-side parking line.	Bản dịch: Họ tạo thành một hàng đỗ xe song song. <i>Giải thích:</i> Miêu tả vị trí đặt song song nhau.
Back to back (Lưng tựa lưng)	Back-to-back (adj) (Word Family: back, background)	The chairs were placed back to back. → They used back-to-back seating.	Bản dịch: Họ sử dụng kiểu bố trí ghế tựa lưng vào nhau. <i>Giải thích:</i> Mô tả thiết kế hoặc sự kiện diễn ra liên tiếp nhau.
Word for word (Từng chữ / Nguyên văn)	Word-for-word (adj) (Word Family: word, wording, verbose)	He translated the document word for word. → It was a word-for-word translation.	Bản dịch: Đó là một bản dịch nguyên văn từng chữ. <i>Giải thích:</i> Chỉ mức độ chính xác tuyệt đối trong dịch thuật.
Time after time (Lặp đi lặp lại)	Time-tested / Time-saving (adj) (Word Family: time, timing, timeless)	This method saves a lot of time. → It is a time-saving solution.	Bản dịch: Đó là một giải pháp tiết kiệm thời gian. <i>Giải thích:</i> Cấu trúc danh từ + V-ing tạo thành tính từ ghép.
State of the art (Tối tân nhất)	State-of-the-art (adj) (Word Family: state, art, artistic)	The lab has technology of the art. → It is a state-of-the-art laboratory.	Bản dịch: Đó là một phòng thí nghiệm tối tân / hiện đại nhất. <i>Giải thích:</i> Tính từ ghép đa thành phần rất cao cấp.
Out of date (Lỗi thời)	Out-of-date (adj) (Word Family: date, dating, outdated)	The software is out of date. → It is an out-of-date program.	Bản dịch: Đó là một chương trình đã lỗi thời. <i>Giải thích:</i> Đảo cụm giới từ thành tính từ ghép trước danh từ.
Up to date (Cập nhật mới nhất)	Up-to-date (adj) (Word Family: date, update, updated)	We need information up to date. → We need up-to-date information.	Bản dịch: Chúng tôi cần thông tin cập nhật mới nhất. <i>Giải thích:</i> Trái nghĩa với "out-of-date".
Free of charge (Miễn phí)	Free-of-charge (adj) (Word Family: free, freedom, charge)	They offer service free of charge.	Bản dịch: Đó là một dịch vụ giao hàng miễn phí.

Cụm từ gốc (Original Phrase)	Tính từ ghép & Word Family	Câu ví dụ gốc & Biến đổi	Bản dịch & Giải thích ngữ pháp
		→ It is a free-of-charge delivery.	<i>Giải thích:</i> Rất hữu ích trong văn phong thương mại.

3. Lưu Ý Chuyên Môn & Mở Rộng Quy Tắc

- **Vai trò của dấu gạch nối (Hyphen):** Dấu gạch nối là bắt buộc để liên kết các từ riêng lẻ thành một đơn vị từ vựng duy nhất mang chức năng tính từ. Nếu thiếu dấu gạch nối khi đứng trước danh từ, câu sẽ bị coi là lỗi ngữ pháp nghiêm trọng.
- **Quy tắc danh từ số ít:** Khi cấu tạo tính từ ghép từ các cụm danh từ (ví dụ: *house to house, day to day*), các danh từ thành phần **luôn phải ở dạng số ít**, tuyệt đối không thêm 's' dù ý nghĩa có tính chất lặp lại nhiều lần.
- **Vị trí đứng trong câu:** Tính từ ghép này thông thường đứng **trước danh từ** để bổ nghĩa. Trong một số trường hợp làm vị ngữ sau động từ to-be, dấu gạch nối có thể được lược bỏ tùy theo văn cảnh (ví dụ: *Our interview was face to face*).

4. Lời Khuyên Dành Cho Học Sinh Luyện Thi

Việc sử dụng thành thạo các tính từ ghép từ cụm từ sẽ giúp các em nâng cao đáng kể tiêu chí **"Lexical Resource" (Vốn từ vựng)** trong các kỳ thi quốc gia và quốc tế như IELTS, TOEIC hoặc thi tuyển sinh vào lớp 10 chuyên Anh. Hãy tập thói quen "đóng gói" các cụm trạng ngữ dài dòng thành các tính từ ghép gọn gàng, súc tích.

Composed by Mr. Lê Đại Phong — www.tienganhhaiphong.vn **CLICK HERE →**

Chương trình tiếng Anh tương tác **"From ZERO to MASTER"** chạy trên các trình duyệt hiện đại (Chrome, Firefox, Cốc Cốc, Opera).

Mọi thắc mắc xin liên hệ: Phone & Zalo: **0971386608** | Email: **typhoon620@gmail.com**